TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẢO LÂM** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2019/DS-ST
Ngày 28/11/2019.
Về việc: *"Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LÂM

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Linh**.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà: **Nguyễn Thị Tài**.
2. Ông: **Phạm Đức Minh**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Ka Hít** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà **Lâm Thị Hồng**-Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 28 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 159/2019/TLDS-ST ngày 02/8/2019 về việc *"Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2019/QĐDS-ST ngày 23/10/2019; quyết định hoãn phiên tòa số 60/2019/QĐDS-ST ngày 12/11/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L , sinh năm 1969 và ông Ngô Trí Cúc, sinh năm 1968; địa chỉ: Số nhà 09, hẻm 26 Lạc Long Quân, Tổ 02, thị trấn L, huyện B , tỉnh Lâm Đồng (Có đơn đề nghị vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H , sinh năm 1970 và ông Nguyễn Ngọc Nhưng, sinh năm 1966; địa chỉ: Tổ 02, thị trấn L, huyện B , tỉnh Lâm Đồng (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Tại đơn khởi kiện ngày 02/8/2019, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày: Vào 01/3/2017, vợ chồng ông Nhưng, bà H có vay của vợ chồng ông Cúc, bà L 100.000.000đ, mục đích vay là mua đất, lãi suất do 02 bên tự thỏa thuận, thời gian vay là 03 tháng. Khi đến hạn vợ chồng ông Cúc, bà L có đòi nhưng do hoàn cảnh khó khăn chưa trả; đến ngày 23/4/2018, vợ chồng ông Cúc bà L tiếp tục cho vợ chồng ông Nhưng, bà H vay thêm 150.000.000đ nữa, lãi suất do các bên tự thỏa thuận, thời hạn vay 01 năm. Đến hạn trả nợ vay nhưng ông Nhưng, bà H cứ hứa hẹn mãi không trả. Do đó, vợ chồng ông Cúc, bà L khởi kiện yêu cầu vợ chồng

ông Nhưng, bà H trả tiền gốc của 02 lần vay là 250.000.000đ, lãi xuất phát sinh 1.5%/tháng tính từ ngày 23/4/2018 đến ngày 23/9/2019 là 17 tháng x 1.5% x 250.000.000đ = 63.750.000đ. Tổng cộng là 313.750.000đ (Ba trăm mười ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

Chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện nguyên đơn giao nộp gồm bản gốc các giấy vay tiền ngày 01/3/2017 và ngày 23/4/2018.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không đến làm việc nên không có bản khai hay trình bày nào về số nợ trên và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền 313.750.000đ (Ba trăm mười ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng); buộc bị đơn chịu án phí trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ 02 không có lý do chính đáng; nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo thủ tục chung.

Về nội dung:

[01] Căn cứ vào giấy vay tiền ngày 01/3/2017, 23/4/2018; lời trình bày của nguyên đơn thì có căn cứ xác định bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền 100.000.000đ vào ngày 01/3/2017 và 150.000.000đ vào ngày 23/4/2018. Do bị đơn không đến làm việc nên không có căn cứ xác định bị đơn đã trả cả gốc và lãi cho 02 khoản tiền này hay chưa. Nguyên đơn yêu cầu lãi suất 1.5%/tháng là phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự nên cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền gốc 250.000.000đ, lãi phát sinh 1.5%/tháng tính từ ngày 23/4/2018 đến ngày 23/9/2019 là 63.750.000đ (17 tháng x 1.5% x 250.000.000đ), tổng cộng gốc và lãi là 313.750.000đ (Ba trăm mười ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

[02] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho nguyên đơn là 313.750.000đ x 5% = 15.678.500đ (Mười lăm triệu sáu trăm bảy mươi tám ngàn năm trăm đồng). Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH :

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 273 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466,

468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vợ chồng bà Nguyễn Thị L , ông Ngô Trí Cúc về việc "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*" với bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Ngọc Nhưng, bà Nguyễn Thị H .

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Ngọc Nhưng, bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm trả cho vợ chồng bà Nguyễn Thị L , ông Ngô Trí Cúc số tiền 313.750.000đ (Ba trăm mười ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

"Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015".

2. Về án phí:

- Buộc vợ chồng ông Nguyễn Ngọc Nhưng, bà Nguyễn Thị H 15.678.500đ (Mười lăm triệu sáu trăm bảy mươi tám ngàn năm trăm đồng)

- Hoàn trả cho vợ chồng bà Nguyễn Thị L , ông Ngô Trí Cúc 7.200.000đ (Bảy triệu hai trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2016/0013078 ngày 02/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm.

3. Về quyền kháng cáo: Vợ chồng ông Nhưng, bà H ; vợ chồng bà L , ông Cúc có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự"

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tài **Phạm Đức Minh** **Nguyễn Văn Linh**

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tài **Phạm Đức Minh** **Nguyễn Văn Linh**